

Số: /BC-UBND

Hung Yên, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) trong 6 tháng năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành

UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ CCHC năm 2024: Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 21/12/2023 về CCHC nhà nước tỉnh Hưng Yên năm 2024; Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 ban hành Kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024; Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử tỉnh Hưng Yên năm 2024; Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 20/12/2023 về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2024 và nhiều văn bản khác để triển khai các nhiệm vụ theo từng nội dung của CCHC (công tác pháp chế, phổ biến giáo dục pháp luật; kiểm soát TTHC; phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng...)¹. Nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024.

¹ Các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 193/KH-UBND ngày 26/12/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2024; số 191/KH-UBND ngày 26/12/2023 về kiểm tra CCHC tỉnh Hưng Yên năm 2024; số 199/KH-UBND ngày 29/12/2023 về công tác pháp chế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024; số 07/KH-UBND ngày 12/01/2024 triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh; số 42/KH-UBND ngày 04/03/2024 về việc phổ biến, tuyên truyền các Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 03/KH-HĐPH ngày 07/3/2024 của Hội đồng phối hợp Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh về hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Hưng Yên năm 2024; số 12/KH-UBND ngày 18/01/2024 về cung cấp dữ liệu mở trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên đến năm 2025; số 190/KH-UBND ngày 26/12/2023 về triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.

Các Quyết định: số 91/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 31/KH-UBND ngày 21/02/2024 về việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 2683/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 ban hành Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tỉnh Hưng Yên năm 2024; số 176/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tỉnh Hưng Yên năm 2024.

Triển khai các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ngành được UBND tỉnh giao tham mưu công tác CCHC đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đề ra.

Thực hiện giải đáp, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp: Ngày 04/5/2024, UBND tỉnh Hưng Yên đã tổ chức Hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt doanh nhân, doanh nghiệp, nhằm tôn vinh khen thưởng, tri ân các doanh nhân, doanh nghiệp có nhiều thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời đối thoại, giải đáp trực tiếp các ý kiến, kiến nghị về các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trao đổi thông tin về các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp và môi trường đầu tư, kinh doanh; thẳng thắn nhìn nhận những vấn đề còn tồn tại với tinh thần cầu thị, qua đó, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn, hấp dẫn, thực sự là nơi để doanh nghiệp đặt niềm tin và không ngừng phát triển.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2024

Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được đề ra trong Kế hoạch CCHC năm 2024 của tỉnh cơ bản đảm bảo tiến độ đề ra, đến nay đã thực hiện được 39/61 nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ dự kiến theo thời gian (đạt 64%).

3. Về kiểm tra CCHC

UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra công tác CCHC tại 11 đơn vị từ ngày 10/6 đến ngày 13/6/2024 (06 sở, 05 UBND cấp huyện) theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về kiểm tra CCHC năm 2024; đến nay đã hoàn thành các nội dung theo kế hoạch.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền CCHC theo Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã thực hiện một số nội dung chính như: tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh các Kế hoạch về CCHC; trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên về kết quả các chỉ số và trách nhiệm người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã trong triển khai nhiệm vụ cải cách các chỉ số phản ánh nền hành chính năm 2023; triển khai tập huấn công tác đo lường, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đối với 1.344 cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã.

5. Về thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Tổng hợp 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh có 106 nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; trong đó: 47 nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn, 57 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn, 02 nhiệm vụ đang thực hiện quá hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

UBND tỉnh đã giao cho Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu các nhiệm vụ về cải cách thể chế. Kết quả thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL luôn thực hiện đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của pháp luật và chất lượng ngày càng được nâng cao. Từ ngày 15/12/2023 đến 14/6/2024, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 20 văn bản QPPL (03 nghị quyết, 17 quyết định) đảm bảo về căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của Hiến pháp và các văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và thực tiễn của địa phương.

Sở Tư pháp đã tiến hành thẩm định đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng đối với 28 dự thảo văn bản QPPL (06 dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh, 22 dự thảo quyết định của UBND tỉnh); tham gia ý kiến đối với 46 dự thảo văn bản QPPL của địa phương (11 dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh, 35 dự thảo quyết định của UBND tỉnh).

Về việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6 (Quyết định số 324/QĐ-CTUBND ngày 30/01/2024) và Danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm (Quyết định số 1133/QĐ-CTUBND ngày 29/5/2024).

Việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL của HĐND và UBND các cấp về cơ bản đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành văn bản QPPL. Các chủ trương, chính sách của tỉnh đã được thể chế hóa bằng các nghị quyết, quyết định QPPL kịp thời, đồng bộ với văn bản của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ, thực hiện Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 11/01/2024); giao Sở Tư pháp có văn bản hướng dẫn triển khai, thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 (Công văn số 410/STP-PB&TDTHPL ngày 11/4/2024); theo đó, xác định các lĩnh vực trọng tâm theo dõi gồm: (1) An toàn thực phẩm; (2) Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử; (3) Xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm; (4) Thực hiện chính sách pháp luật về quản lý thị trường bất động sản; (5) Thực hiện chính sách về phát triển nhà ở xã hội.

Thực hiện Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh, Sở Tư pháp đã ban hành các văn bản đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý được giao; đã tổ chức nghiên cứu, đang dự thảo xây dựng Kế hoạch điều tra, khảo sát; các phương án và Mẫu phiếu điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật về các lĩnh vực theo dõi trọng tâm, liên ngành năm 2024.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

UBND tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh ban hành

các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Phổ biến giáo dục pháp luật và các Chương trình, Đề án về phổ biến giáo dục pháp luật bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương như: Kế hoạch số 04/KH-HĐPH ngày 14/3/2024 thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về nội dung của Công ước Chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 05/KH-HĐPH ngày 14/3/2024 thực hiện Đề án “Truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2028” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 06/KH-HĐPH ngày 14/3/2024 tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số 07/KH-HĐPH ngày 14/3/2024 triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch 08/KH-HĐPH ngày 15/3/2024 thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” năm 2024 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản QPPL” gắn với thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách; giao Sở Tư pháp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương sơ kết, đánh giá 02 năm triển khai thực hiện Đề án bằng hình thức phù hợp.

Để thực hiện có hiệu quả Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp chú trọng triển khai các nội dung đã được UBND tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh phê duyệt tại các Kế hoạch triển khai Đề án. UBND tỉnh ban hành Công văn số 1875/UBND-NC ngày 13/7/2023 về Thông cáo báo chí văn bản QPPL do UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành, đồng thời chỉ đạo đăng tải thường xuyên trên Trang thông tin các cơ quan, đơn vị, địa phương, qua đó giúp người dân dễ dàng tiếp cận, nắm bắt những thông tin pháp luật, chính sách mới được ban hành. UBND tỉnh đã ban hành Thông cáo báo chí đối với 07 nghị quyết, quyết định do HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành về các chính sách mới trên các lĩnh vực được áp dụng trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp triển khai các nội dung của Chương trình, Đề án với các hình thức như: Biên soạn 60 tờ gấp tuyên truyền, 01 Đề cương tuyên truyền các luật, nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 6 và kỳ họp bất thường lần thứ 5 Quốc hội khoá XV; biên soạn và phát hành 01 số Bản tin Tư pháp Hưng Yên - phổ biến giáo dục pháp luật...

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

Công tác tự kiểm tra văn bản QPPL được thực hiện thường xuyên, có nề nếp. Trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh giao Sở Tư pháp tự kiểm tra và lập phiếu kiểm tra đối với 17/17 quyết định của UBND tỉnh. Qua công tác tự kiểm tra, nội dung của các văn bản phù hợp với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên,

đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các nghị định hướng dẫn thi hành.

Đối với việc kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền: Sở Tư pháp đã tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền đối với 05 văn bản QPPL do HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành.

Thực hiện Kế hoạch xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024 (Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh), Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 88/QĐ-CTUBND ngày 10/01/2024 về việc công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên năm 2023. Thực hiện Quyết định số 551/QĐ-CTUBND ngày 08/3/2023 về Kế hoạch thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Hưng Yên kỳ 2019-2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 438/QĐ-CTUBND ngày 23/02/2024 công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên kỳ 2019-2023. UBND tỉnh giao Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa thường xuyên, đột xuất, chuyên đề theo quy định và yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát thường xuyên đối với 886 văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới đối với 14 văn bản QPPL. Thực hiện Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Sở Tư pháp đã tiến hành cập nhật 20 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành (03 Nghị quyết và 17 Quyết định) lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, đảm bảo cập nhật đạt 100% văn bản đã ban hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC)

Tại Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tỉnh Hưng Yên năm 2024 được ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23/01/2024, UBND tỉnh đã giao cho 07 cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì rà soát, đánh giá đối với 20 TTHC.

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan chủ trì rà soát đã ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2024 của đơn vị mình và đang tiến hành rà soát các TTHC theo nhiệm vụ, thời hạn được UBND tỉnh giao và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Đến nay, đã có 05 đơn vị gửi kết quả rà soát, đánh giá TTHC về Văn phòng UBND tỉnh để đánh giá chất lượng; các đơn vị còn lại đang tiến hành rà soát theo thời hạn được giao. Văn phòng UBND tỉnh đã có văn bản đánh giá chất lượng kết quả rà soát theo quy định².

² Công văn số 147/VPUB-PVHCC&KSTT ngày 15/5/2024 về việc đánh giá chất lượng kết quả rà soát, đánh giá TTHC Sở Khoa học và Công nghệ; Công văn số 172/VPUB-PVHCC&KSTT ngày 06/6/2024 về việc đánh giá chất lượng kết quả rà soát, đánh giá TTHC của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành 61 quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, với tổng số 863 TTHC, trong đó: công bố mới (bao gồm cả công bố chuẩn hóa) 284 TTHC; công bố sửa đổi, bổ sung 278 TTHC và công bố bãi bỏ, hủy bỏ 301 TTHC.

Văn phòng UBND tỉnh đã công khai TTHC đầy đủ, kịp thời trên Cổng DVC quốc gia. Các Quyết định công bố và nội dung TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành đã được tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung các thông tin liên quan đến thời gian, địa điểm thực hiện, phí, lệ phí và đăng tải công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh. 100% các cơ quan, đơn vị có liên quan công khai đầy đủ, kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị thông qua chức năng kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia (không xây dựng, duy trì các chức năng cập nhật thông tin, dữ liệu TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị).

Các cơ quan, đơn vị có liên quan đã thực hiện công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan theo quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện công khai kịp thời, đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết đảm bảo TTHC được công khai đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành; không công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành. Nội dung công khai đảm bảo đầy đủ các TTHC theo từng lĩnh vực, bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ các TTHC và bộ phận tạo thành TTHC theo Quyết định công bố (trường hợp các TTHC được công khai có mẫu đơn, mẫu tờ khai thì mẫu đơn, mẫu tờ khai được đính kèm với TTHC).

Hiện tại, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương là 1.740 TTHC, trong đó: 1.351 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, 272 TTHC cấp huyện, 117 TTHC cấp xã.

c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc kiện toàn và bố trí trụ sở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC các cấp. Tại cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát TTHC triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh theo quy định. 10/10 huyện, thị xã, thành phố và

161/161 xã, phường, thị trấn đã kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng hiện đại và bố trí trụ sở theo quy định.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 21 quyết định phê duyệt 351 quy trình nội bộ giải quyết TTHC, trong đó: phê duyệt mới 194; sửa đổi, bổ sung 12; bãi bỏ 145.

Hiện tại, số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa là 1.740 TTHC (trong đó: cấp tỉnh 1.351, cấp huyện 272, cấp xã 117, đạt tỷ lệ 100%); số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông là 199 TTHC đơn lẻ và 04 nhóm TTHC. 100% TTHC đã được số hóa trong giải quyết TTHC.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính: Trong kỳ báo cáo, Văn phòng UBND tỉnh không tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị nào thuộc thẩm quyền giải quyết (gồm cả tiếp nhận trực tiếp và tiếp nhận trên Hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Chính phủ tại địa chỉ: <https://pakn.dichvucong.gov.vn>). Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, giúp UBND tỉnh tiếp nhận 01 phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, mã số PAKN.20231102.0035 trên Hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của Chính phủ tại địa chỉ: <https://pakn.dichvucong.gov.vn>. PAKN đang được giải quyết theo quy định.

d) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hưng Yên được triển khai tập trung và được các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã sử dụng trên toàn tỉnh phục vụ công tác tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh.

Đến nay, trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Hệ thống) đã cung cấp 1.650 đủ điều kiện cung cấp trực tuyến của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã (988 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 662 dịch vụ công trực tuyến một phần); đã tích hợp 1.279 TTHC dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và 38 TTHC của cơ quan ngành dọc tại Trung tâm (*Công an 15 TTHC, Bảo hiểm xã hội 9 TTHC, Điện lực 14 TTHC*); số liệu thường xuyên thay đổi theo các Quyết định công bố của các Bộ, ngành và UBND tỉnh công bố danh mục TTHC mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an được kết nối với Hệ thống, qua đó giúp các cơ quan nhà nước giải quyết hồ sơ TTHC nhanh hơn.

UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành về việc đẩy mạnh cung cấp và thực hiện tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC được phát sinh trực tuyến và thực hiện số hóa; các cơ quan, đơn vị tích cực hướng dẫn người dân tạo tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và sử dụng tài khoản định danh điện tử VneID để nộp hồ sơ trực tuyến. Một số kết quả đạt được như sau:

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống đạt 92% (cấp sở đạt 78,5%; cấp huyện, xã đạt 96%); 100% TTHC có phát sinh hồ sơ đều có hồ sơ trực tuyến.

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt trên 90% (bao gồm cả hình thức chuyển khoản ngân hàng, kho bạc, trung gian thanh toán,...), trong đó thanh toán trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia đạt gần 80%.

- 100% hồ sơ TTHC được các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã thực hiện tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống, số hóa thành phần hồ sơ, cập nhật kết quả bản điện tử có ký số đảm bảo theo quy định; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả TTHC toàn tỉnh đến nay đạt trên 99,5% (cấp tỉnh đạt 98,8%; cấp huyện, cấp xã đạt trên 99,5%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với các cơ quan, tổ chức hành chính:

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ, các Thông tư của các bộ, ngành Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị đã chủ động rà soát, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. UBND tỉnh đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 17 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

Thực hiện Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, hiện tại, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đang tiến hành rà soát, sắp xếp đảm bảo bố trí biên chế tối thiểu các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 14/12/2023 về thực hiện Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02/10/2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TU; trong đó, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 209-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 14/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản có liên quan về triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

- Về tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính: Việc kiện toàn, sắp xếp các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được thực hiện đảm bảo theo các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Các cơ quan, tổ chức hành chính được tổ chức lại theo

hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính. Trong 6 tháng đầu năm 2024, các cơ quan thuộc tỉnh đã thực hiện giảm 03 phòng chuyên môn (Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh); hoàn thành việc sáp nhập phòng Tổ chức cán bộ vào Văn phòng Sở theo chương trình, kế hoạch của tỉnh (Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Về tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp: Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện rà soát, xây dựng Đề án sắp xếp lại, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm tiếp tục giảm đầu môi bảo đảm lộ trình theo kế hoạch của tỉnh.

c) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

- Tổng số biên chế công chức trong cơ quan hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp được giao năm 2024 là 1.608 biên chế công chức, 141 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính; 22.039 biên chế sự nghiệp.

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện có mặt: 1.549 công chức, 134 lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP trong cơ quan hành chính; 19.521 viên chức trong đơn vị sự nghiệp.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế:

+ Biên chế công chức: Thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026. Năm 2024, tỉnh Hưng Yên đã trình cấp có thẩm quyền giao biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh; trong đó, thực hiện cắt giảm 24 biên chế công chức theo lộ trình tinh giản biên chế của tỉnh.

+ Biên chế sự nghiệp: Tỉnh đã thực hiện giao biên chế sự nghiệp đảm bảo theo Quyết định giao biên chế từng năm của Ban Tổ chức Trung ương. Theo đó, năm 2024 tỉnh Hưng Yên đã giảm 85 biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Thực hiện các quy định của Chính phủ về phân cấp trong quản lý theo ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh Hưng Yên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về phân cấp của trung ương và của tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Triển khai Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, tính đến hết ngày 31/3/2024, tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm của 30/30 sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

(trong đó: Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 20/20 sở, ban, ngành; đồng thời uỷ quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 10/10 UBND cấp huyện đảm bảo quy định); 553/553 đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (trong đó: Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 04/04 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; uỷ quyền cho Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đối với 505/505 đơn vị; 44/44 đơn vị tự phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm đảm bảo quy định).

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

Căn cứ số giao biên chế năm 2024, số lượng viên chức còn thiếu theo vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị đang thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để kịp thời bổ sung số công chức, viên chức xin nghỉ việc, thôi việc. Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã tuyển dụng 09 công chức cấp xã.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tham mưu thực hiện các quy định về công tác cán bộ đối với 52 người, trong đó: diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý 07 người (bổ nhiệm 03, bổ nhiệm lại 02, cho ý kiến bổ nhiệm lại 02); diện Ban cán sự đảng UBND tỉnh quản lý 25 người (bổ nhiệm lại 01, cho chủ trương 24 vị trí); diện Sở Nội vụ thỏa thuận 20 người (bổ nhiệm 05, bổ nhiệm lại 14, chuyển đổi chức vụ 01).

d) Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ ban hành Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với 2.985 viên chức giáo viên mầm non, phổ thông đang giảng dạy trong các cơ sở mầm non, phổ thông công lập theo quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương

Việc chấp hành các quy định của cơ quan nhà nước và nội quy, quy chế làm việc tại các cơ quan, đơn vị đều được cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

e) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 26/01/2024 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2024. Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức, triển khai các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2024 theo kế hoạch; UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tổ chức 03 lớp bồi dưỡng văn hóa công vụ với sự tham gia của 400 công chức trên địa bàn tỉnh.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quy định triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, thu hút nhân tài và khen thưởng khuyến khích tài năng tỉnh Hưng Yên (ban hành kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022). Trong quý 6 tháng đầu năm 2024 chưa có trường hợp nào được thu hút.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao trong 6 tháng đầu năm 2024:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (thực hiện đến ngày 14/6/2024) là 20.347 tỷ đồng (đạt 62% dự toán HĐND tỉnh giao), trong đó: Thu nội địa 18.391 tỷ đồng, đạt 63,1 % dự toán HĐND tỉnh giao; thu nội địa trừ đất, xổ số 11.795 tỷ đồng, đạt 102,6 % dự toán HĐND tỉnh giao.

Tổng chi ngân sách địa phương dự toán giao 30.103 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 19.921 tỷ đồng; đến ngày 14/6/2024, số giải ngân kế hoạch vốn đầu tư là 8.510 tỷ đồng, đạt 43% kế hoạch HĐND tỉnh giao; chi thường xuyên 3.427 tỷ đồng, đạt 38% dự toán HĐND tỉnh giao.

- Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công, thu hút đầu tư:

Năm 2024, kế hoạch vốn đầu tư công được Thủ tướng Chính phủ giao là 19.921 tỷ đồng, đến nay, tỉnh đã phân bổ chi tiết 12.356,5 tỷ đồng. Đến 10/6/2024, giải ngân 2.518 tỷ đồng, đạt 12,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Phân theo cấp quản lý: Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý khối lượng thực hiện khoảng 950 tỷ đồng, đạt 7,3% kế hoạch, giải ngân 818 tỷ đồng, đạt 6,3% kế hoạch giao; nguồn vốn cấp huyện, cấp xã quản lý khối lượng thực hiện 1.950 tỷ đồng, đạt 28% kế hoạch, giải ngân 1.699 tỷ đồng, đạt 24,5% kế hoạch giao. Phân theo nguồn vốn: Vốn Ngân sách trung ương giải ngân 117 tỷ đồng, đạt 8,8% kế hoạch; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương giải ngân 2.370 tỷ đồng, đạt 12,7% kế hoạch. Dự kiến 6 tháng đầu năm giải ngân đạt khoảng 20% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 30% kế hoạch vốn đã giao chi tiết cho các công trình, dự án.

Từ đầu năm đến nay (ngày 31/5/2024), kết quả số vốn thu hút đầu tư mới và điều chỉnh tăng thêm đạt 11.416 tỷ đồng và 475,5 triệu USD. Trong đó thu hút được 63 dự án đầu tư mới (tăng 25 dự án so với cùng kỳ năm 2023), bao gồm 36 dự án trong nước (tăng 16 dự án so với cùng kỳ năm 2023) và 27 dự án nước ngoài (tăng 09 dự án so với cùng kỳ năm 2023), với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 7.534 tỷ đồng và 441,2 triệu USD. Đồng thời thực hiện điều chỉnh tăng vốn cho 37 dự án (23 dự án trong nước và 14 dự án nước ngoài) với số vốn đầu tư điều chỉnh tăng thêm khoảng 3.881 tỷ đồng và 34,32 triệu USD. Nâng tổng số dự án đầu tư còn hiệu lực đến thời điểm hiện tại là 2.257 dự án, trong đó có 1.681 dự án trong nước và 576 dự án nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký 332.716 tỷ đồng và 7,46 tỷ USD.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:

UBND tỉnh giao Sở Tài chính tích cực đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm các kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước. Sở Tài chính đã đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện được 280,8 tỷ đồng/289,6 tỷ đồng, đạt 97% tổng số kiến nghị tài chính của Kiểm toán nhà nước; đồng thời tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện kiến nghị Kiểm toán theo chỉ đạo của UBND tỉnh và triển khai rà soát thực hiện kết luận kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực VI tại Công văn số 258/KV VI-TH ngày 10/6/2024. Bên cạnh đó, Sở Tài chính đang thực hiện cung cấp số liệu, tài liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 tỉnh Hưng Yên tại Công văn số 203/KT-KVVI ngày 13/5/2024 của Kiểm toán nhà nước khu vực VI và cung cấp thông tin, tài liệu để chuẩn bị thanh tra chuyên đề chấp hành pháp luật về thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Công văn số 665/TTr-P6 ngày 06/6/2024 của Thanh tra Bộ Tài chính.

Đối với công tác thanh tra của Sở Tài chính: Sở Tài chính đã đôn đốc các đơn vị được thanh tra năm 2023 báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị trong 6 tháng đầu năm 2024; triển khai Kế hoạch thanh tra ban hành theo Quyết định số 2730/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh; tổng hợp báo cáo thu - chi tiền công đức tài trợ theo Quyết định 2626/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh theo Thông tư số 04/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính; ban hành Kế hoạch xử lý vi phạm hành chính và Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2024.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

- Về thực hiện mua sắm tập trung, mua sắm khác:

Sở Tài chính đã ban hành văn bản số 2120/STC-GCSDN ngày 19/12/2023 về việc triển khai mua sắm tài sản tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024; Quyết định số 60/QĐ-STC ngày 12/6/2024 phê duyệt E-HSMT gói thầu số 01: Mua sắm tài sản tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2024 (đợt 1).

Thực hiện Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 phê duyệt Phương án sắp xếp lại và xử lý xe ô tô phục vụ chức danh được sử dụng thường xuyên một xe ô tô trong thời gian công tác và chức danh được sử dụng xe ô tô đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và đi công tác. UBND tỉnh đang giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Quy định về số lượng, chủng loại theo tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Công tác tham mưu thẩm định mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Sở Tài chính thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật về tài sản công, pháp luật và đấu thầu và các quy định khác có liên quan. Đồng thời phối hợp với các sở, ban, ngành triển khai việc mua sắm, đấu thầu mua sắm theo Luật Đấu thầu (có hiệu lực từ 01/01/2024).

- Về thực hiện sắp xếp nhà đất:

Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các cơ

sở nhà, đất của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cơ bản giữ ổn định, sử dụng đúng mục đích theo quyết định giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, biên chế được duyệt. Riêng có một số trường hợp phát sinh biến động (do sáp nhập, giải thể hoặc được bố trí trụ sở mới không có nhu cầu sử dụng trụ sở cũ) thì sau khi cơ quan, đơn vị có văn bản đề xuất sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; UBND tỉnh xử lý theo một trong hai hình thức: “thu hồi”, “điều chuyển”.

Căn cứ Công văn số 2635/BTC-QLCS ngày 22/3/2023 của Bộ Tài chính về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 19/4/2023 về triển khai thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Từ đầu năm 2024, tiếp tục tổng hợp thông tin nhà đất để làm căn cứ xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong năm 2024.

- Về tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công:

Thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài sản công: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 về thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê tài sản công trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đảm bảo theo quy định và lộ trình thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư. Giao Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch tổng kiểm kê tài sản công của UBND tỉnh để triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khảo sát phục vụ xây dựng công cụ tổng hợp, báo cáo kết quả tổng kiểm kê theo quy định.

Sở Tài chính đã ban hành các quyết định thanh lý tài sản công theo thẩm quyền; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ xử lý tài sản công và quy trình xử lý tài sản công đảm bảo theo quy định.

Nhập dữ liệu trong Phần mềm quản lý tài sản công: Giao Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố thực hiện cập nhật dữ liệu trong Phần mềm quản lý tài sản công theo quy định.

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 209-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Chương trình hành động số 133/CTr-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 140-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 208-KH/TU, số 209-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 22/3/2024 của UBND tỉnh quy định tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025.

Số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính và đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đến nay là 553 đơn vị (đạt tỷ lệ 100%).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II (mạng WAN của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt; mạng nội bộ, bị thiết bị bảo mật, tường lửa, các đường truyền kết nối Internet băng thông rộng của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã hoạt động ổn định, thường xuyên được nâng cấp, thay thế, phát huy hiệu quả việc kết nối các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh hoạt động ổn định, liên tục và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh, các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

Các nền tảng dùng chung của tỉnh được sử dụng hiệu quả, thường xuyên được nâng cấp để phù hợp với thực tế sử dụng. Cụ thể:

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tiếp tục được khai thác, sử dụng hiệu quả tại các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh, được liên thông 4 cấp (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, cấp Trung ương) giúp cho công tác công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc được thông suốt, nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm. Số lượng văn bản điện tử được gửi, nhận trên hệ thống QLVBĐH của tỉnh trong 06 tháng đầu năm 2024 như sau: 65.637 văn bản gửi (có 54.971 văn bản được ký số); 22.6290 văn bản nhận (có 182.683 văn bản được ký số).

- Hệ thống thư điện tử công vụ, các cổng thông tin điện tử: cán bộ, công chức của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã được cấp hộp thư điện tử công vụ của tỉnh. Ngoài ra, một số các cơ quan, tổ chức khác có nhu cầu cũng đã được cấp hộp thư điện tử công vụ, đến nay đã cung cấp trên 11.300 hộp thư công vụ cho các cơ quan, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Công tác chuẩn hóa, xây dựng nội dung thông tin, cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cơ bản đã thực hiện cung cấp thông tin theo các nội dung quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Hệ thống cổng Dịch vụ công: Thông tin về các TTHC đã được đăng tải đầy đủ trên cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Hệ thống Cổng dịch vụ công, Một cửa điện tử của tỉnh hoạt động ổn định, đảm bảo cho việc tiếp nhận hồ sơ TTHC của người dân và doanh nghiệp. Các dịch vụ hành chính công trực tuyến toàn trình và trực tuyến một

phần cung cấp trên hệ thống Một cửa điện tử, Công dịch vụ công tỉnh được kết nối, đồng bộ danh mục với Công Dịch vụ công quốc gia.

- Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh tiếp tục được đưa vào sử dụng phục vụ công tác điều hành theo thời gian thực về kinh tế xã hội, về văn hóa xã hội, về an ninh trật tự.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) được kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đảm bảo đáp ứng thực hiện các kết nối đến hệ thống thông tin, CSDL của bộ, ngành Trung ương.

c) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

Một số ngành đã tham gia vào vận hành các CSDL quốc gia do các bộ, ngành triển khai theo ngành dọc (cập nhật dữ liệu của địa phương lên các CSDL quốc gia) như: Công an tỉnh (CSDL quốc gia về dân cư); Văn phòng đăng ký đất đai của Sở Tài nguyên và Môi trường (sử dụng phần mềm VILIS kết nối với CSDL quốc gia về đất đai); Sở Kế hoạch và Đầu tư (CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp); Sở Tài chính (CSDL quốc gia về Tài chính); Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

CSDL chuyên ngành của ngành Giáo dục, ngành Nông nghiệp, ngành Công thương, ngành Văn hóa, ngành Khoa học và Công nghệ,... thường xuyên, liên tục thực hiện cập nhật các dữ liệu chuyên ngành vào CSDL của Bộ chủ quản.

d) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ; ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Thông tin về các TTHC đã được đăng tải đầy đủ trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; trên Cổng dịch vụ công của tỉnh. Hệ thống Cổng dịch vụ công, Một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo việc tiếp nhận hồ sơ TTHC của người dân và doanh nghiệp. Các dịch vụ hành chính công trực tuyến toàn trình và trực tuyến một phần cung cấp trên hệ thống Một cửa điện tử, Công dịch vụ công tỉnh được kết nối, đồng bộ danh mục TTHC với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Hệ thống Công Dịch vụ công và Một cửa điện tử tỉnh đã kết nối, chia sẻ tới 15 hệ thống thông tin, CSDL của Bộ, ngành, địa phương phục vụ giải quyết TTHC gồm: Cổng Dịch vụ công Quốc gia, CSDL quốc gia về dân cư; Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Phần mềm Lý lịch tư pháp của Bộ Tư pháp; Cổng Dịch vụ công về Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; CSDL quốc gia về Bảo hiểm của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Hệ thống giám sát đo lường mức độ cung cấp và sử dụng mức độ Chính phủ số (Hệ thống EMC) của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; được liên thông với các cơ quan Trung ương trong thực hiện thủ tục Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng; Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải; cấp đổi biển hiệu, phù hiệu ô tô của Bộ Giao thông vận tải, ngoài ra còn kết nối với Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, hệ thống điều hành thông minh (IOC) tỉnh phục vụ việc liên thông giải quyết hồ sơ TTHC, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Một số hệ thống khác phục vụ người dân và doanh nghiệp được các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành thực hiện như hệ thống Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Hưng Yên với tên miền <http://ecomhungyen.vn>; Hệ thống thông tin điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp (hy.check.net.vn) với giao diện tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung để cung cấp các thông tin chính xác và nhanh nhất, tạo niềm tin với người tiêu dùng.

d) Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Để hướng tới xây dựng đô thị thông minh, UBND tỉnh Hưng Yên đã đưa vào sử dụng và tiếp tục nâng cấp các ứng dụng làm nền tảng để phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ UBND tỉnh đến các UBND cấp huyện, các UBND cấp xã.
- Các hệ thống thống thông tin, cơ sở dữ liệu cho ngành Y tế và Giáo dục;
- Hệ thống thu thập số liệu tiêu thụ điện từ xa của ngành Điện lực.
- Hệ thống Camera giám sát giao thông, an ninh trật tự tổ chức triển khai trên toàn tỉnh.
- Hệ thống quan trắc tự động nước thải tại các khu công nghiệp và tại một số nhà máy nằm ngoài khu công nghiệp.
- Hệ thống phát Wifi miễn phí tại các điểm công cộng trên địa bàn thành phố Hưng Yên và các huyện, thị xã.
- UBND thành phố Hưng Yên, UBND thị xã Mỹ Hào đưa vào hoạt động thử nghiệm Trung tâm điều hành đô thị thông minh của địa phương.
- Văn phòng UBND tỉnh đã đưa vào sử dụng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong triển khai nhiệm vụ CCHC 6 tháng đầu năm 2024 của tỉnh đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Công tác chỉ đạo điều hành luôn được tỉnh quan tâm, từ việc ban hành kịp thời các văn bản triển khai, đến các nội dung được xây dựng trọng tâm, nêu rõ chỉ tiêu, trách nhiệm thực hiện; triển khai hiệu quả công tác kiểm tra CCHC trên địa bàn tỉnh, kịp thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

- Công tác xây dựng và ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh đảm bảo về chất lượng, tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục theo quy định, bảo đảm tính thống nhất, tính hợp hiến, hợp pháp; tính hiệu lực, hiệu quả và tính khả thi. Công tác tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền văn bản QPPL từ cấp tỉnh đến cấp xã được thực hiện thường xuyên, có nề nếp.

- Theo kết quả công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg, điểm tổng hợp của các nhóm chỉ số của UBND tỉnh Hưng Yên luôn duy trì ở mức cao và ngày càng được nâng lên rõ rệt.

- Công tác số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đã có những kết quả tốt, đi vào nề nếp và được các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tích cực triển khai thực hiện.

- Việc sắp xếp, kiện toàn lại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo hướng tinh gọn, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Qua đó, giảm cơ cấu tổ chức đối với các bộ phận có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lắp, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị và sự chuyên môn hóa trong công tác tham mưu của các cơ quan đơn vị.

- Việc điều hành quản lý, ngân sách, công tác quản lý, sử dụng tài sản công; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra góp phần quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh từng bước cải thiện; thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh dần được cải thiện nâng lên, từ đó góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư, sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua. Nguồn vốn đầu tư công của tỉnh được bố trí tập trung, nhiều dự án giao thông trọng điểm được đầu tư, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, tạo điều kiện thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, dự án công nghệ cao đầu tư vào địa bàn.

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật có phạm vi rộng, liên quan đến tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, trong khi đó, trách nhiệm của các chủ thể trong việc tổ chức theo dõi tình hình thi hành pháp luật chưa được pháp luật quy định rõ ràng, cụ thể. Đội ngũ công chức làm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật còn thiếu về số lượng, chất lượng chưa đồng đều, chủ yếu là kiêm nhiệm nên sự phối hợp giữa các cấp, các ngành về công tác này chưa chặt chẽ.

- Cơ sở vật chất bố trí cho Bộ phận Một cửa các cấp tuy đã được quan tâm, xong chưa thực sự đáp ứng yêu cầu; nhân sự chuyên trách làm việc tại Bộ phận Một cửa còn mỏng.

- Việc triển khai tổ chức, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính có lĩnh vực

chưa đồng bộ; việc thực hiện tự chủ, chuyển đổi các trường mầm non, trường phổ thông công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao còn hạn chế.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính còn chậm, mức độ tự chủ chưa cao; nguồn thu sự nghiệp còn thấp, chủ yếu vẫn là ngân sách nhà nước cấp phát, chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá.

- Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công đạt thấp so với kế hoạch giao; công tác chuẩn bị đầu tư, thi công một số dự án lớn còn chậm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Triển khai hiệu quả công tác đánh giá năng lực thực hiện các Chỉ số cải cách nền hành chính tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh.

2. Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL, trong đó chú trọng tới tính dự báo của chính sách, bảo đảm tính khả thi để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống. Kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC thông qua hoạt động thẩm định các đề nghị xây dựng và các dự thảo văn bản QPPL. Cập nhật thường xuyên, đầy đủ văn bản QPPL trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ. Gắn công tác phổ biến giáo dục pháp luật với công tác xây dựng, thi hành, bảo vệ pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

Tăng cường, chủ động kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản, theo dõi việc thi hành các văn bản QPPL do HĐND và UBND tỉnh ban hành, nhất là những văn bản liên quan đến lĩnh vực thu hút đầu tư, doanh nghiệp để kịp thời xử lý những văn bản trái, không còn phù hợp, đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, TTHC, làm cơ sở cho việc cải thiện môi trường kinh doanh.

3. Kịp thời công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao điểm số của nhóm chỉ số công bố, công khai theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc diện cắt giảm biên chế giai đoạn 2023-2026 đảm bảo số lượng, lộ trình đề ra tại các kế hoạch, đề án của tỉnh. Hoàn thành mục tiêu đến năm 2026 tỷ lệ tinh giản tối thiểu 5% biên chế công chức được giao năm 2021 (83 biên chế). Thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh giai đoạn 2023-2026, đảm bảo đến năm 2026 tỷ lệ tinh giản tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (1.999 biên chế).

5. Chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính, ngân sách; tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý và sử dụng tài sản công trong phạm vi thẩm quyền được giao; công khai minh bạch tài chính đối với việc

quản lý, sử dụng ngân sách. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán nhà nước.

6. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua các buổi tiếp xã giao và làm việc với các Đại sứ, Trưởng cơ quan đại diện các nước tại Việt Nam, Trưởng cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài đến thăm và làm việc với tỉnh, qua đó đề xuất hỗ trợ tỉnh trong công tác thu hút đầu tư và xúc tiến thương mại.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ, ngành Trung ương ban hành hướng dẫn về việc chuyển đổi các trường mầm non, trường phổ thông công lập ra ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hoá cao để mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội, nhất là đối với thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp có dân số tăng nhanh do nhập cư, có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

2. Đề nghị Bộ Nội vụ kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao biên chế của năm liền kề trước tháng 12 hằng năm để tạo điều kiện cho địa phương thực hiện giao biên chế đúng quy định, làm cơ sở thực hiện trả lương và các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, người lao động.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo.

(Gửi kèm Phụ lục thống kê số liệu về kết quả công tác CCHC)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	06	05 Công văn chỉ đạo của UBND tỉnh và 01 Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	64	Đảm bảo theo đúng kế hoạch đề ra
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	61	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	39	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	Mới thực hiện kiểm tra từ ngày 10/6-13/6/2024; đang hoàn thiện thông báo kết luận sau kiểm tra

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	43	Thực hiện thanh tra 3/7 đơn vị theo Kế hoạch
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	14	Có 01 đơn vị đã có kết luận sau thanh tra
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	106	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	47	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	02	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	2905	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	50	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	20	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	4	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	26	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	05	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	02	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	02	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	886	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	14	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	14	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	284	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	301	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1740	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	1351	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	272	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	Thủ tục	117	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	99	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	100	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,66	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	54.328	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	54.148	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,8	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	39.815	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	39.743	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,9	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	113.845	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	113.832	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	1	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	17/17 đơn vị
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	10/10 đơn vị
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	03	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	19	Là các Ban chỉ đạo, Đoàn kiểm tra liên ngành
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	553	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	06	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	91	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	456	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	18,6	<i>Tổng số đơn vị SNCL năm 2015 là 679 đơn vị</i>
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1608	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1549	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	139	Theo nghị định 111/2023/NĐ-CP
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	188	<i>Năm 2015 giao 1.894 (năm 2018 chuyển 56 biên</i>

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				<i>chế của Chi cục QLTT về Bộ Công Thương nên biên chế giao cho tỉnh là 1.838 biên chế); năm 2022 giao 1.655 biên chế. Do đó, số biên chế đã cắt giảm so với năm 2015 là 188 biên chế, đạt tỷ lệ 10,23% (không tính 05 biên chế được Bộ Nội vụ bổ sung năm 2021)</i>
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,23	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	22.039	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19.521	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2924	Tính so với năm 2015
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	13,09	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	30	Đạt 100%
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	553	Tính các đơn vị được giao biên chế (đạt 100%)
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	09	Công chức xã
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	12,6	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	19.921.000	Số liệu tính đến 10/6/2024
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.518.000	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	553	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	13	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	29	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	249	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	15	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	234	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	262	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)	%	91,5	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	94,1	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	85,5	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	95,1	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100%	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1007	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1007	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	90,65%	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	448	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	406	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	84,17%	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	82.892	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	69.778	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	97.72%	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	126.114	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	123.240	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	389	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	389	